

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1985; HKTT: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1980; HKTT: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc.

Từ lâu giữa bà A và ông B mặc dù ở chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống biệt lập, không nói chuyện với nhau, không ăn cơm cùng nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B để không làm khổ cho cả hai.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa bà A và ông B có 01 con chung tên C, sinh ngày 08/02/2009. Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn (ông B):

Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018; 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân của và sổ hộ khẩu của nguyên đơn; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai của nguyên đơn; bản sao giấy khai sinh của C, sinh ngày 08/02/2009; Bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai cháu C; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bà A có mặt, ông B được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của ông B là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà A khởi kiện ông B về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 08/02/2009, bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi. Ông B có nơi cư trú tại ấp L, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau từ năm 2007. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 34 ngày 10/3/2008. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác... và lý do chính đáng khác. Mặc dù bà A và ông B vẫn chung sống cùng một mái nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ để cùng nhau giải quyết những bất đồng, hàn gắn những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Lời trình bày của bà A về tình trạng hôn nhân phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà A và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 08/02/2009 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con chung từ đủ 07 tuổi trở lên khi giải quyết vấn đề con chung thì phải xem xét nguyện vọng của con chung. Tại bản tự khai ngày 28/4/2019, cháu C có nguyện vọng được sống với mẹ. Nguyện vọng của cháu C phù hợp với yêu cầu của bà A nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của cháu C có nguyện vọng được sống với mẹ là bà A.

Bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên C, sinh ngày 08/02/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012773 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/5/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan

